

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;
Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 352/TTr-SXD ngày 19 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất; mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản và mức bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Bình ban hành kèm theo Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND ngày 29/10/2024 của UBND tỉnh, với nội dung như sau:

1. Sửa đổi khoản 10, Điều 3 như sau:

"10. Đơn giá bồi thường giếng nước (có số thứ tự từ 49 đến 53) được áp dụng đối với đất cấp III, nếu đào ở vùng có đất cấp I, cấp II thì nhân hệ số 0,8. Đối với các loại các giếng nước có đường kính lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) trong Quy định này hoặc đối với các loại giếng khoan có tiêu chí xác định không phù hợp với Quy định này hoặc đối với các loại giếng nước, giếng khoan tại các vùng khó khăn về nguồn nước thì tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định theo thực tế."

2. Bổ sung khoản 18, Điều 3 như sau:

"18. Trường hợp các loại công việc, kết cấu xây dựng chưa có trong các phụ lục của Quy định này hoặc chưa có trong đơn giá, công bố giá của cấp có thẩm quyền ban hành hoặc công bố thì tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khảo sát giá thị trường tại thời điểm xây dựng phương án bồi

thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc thuê đơn vị thẩm định giá để xác định đơn giá theo quy định và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư quyết định.”

3. Bổ sung mục 64 và 65 vào Phụ lục I và bổ sung các mục từ mục 58 đến mục 69 vào Phụ lục II của Điều 3 như sau: Có Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

4. Sửa đổi khoản 1, Điều 4 như sau:

“1. Đối với hộ gia đình, cá nhân (viết tắt là Hộ) đang sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt. Mức bồi thường chi phí di chuyển tài sản được quy định cụ thể tại Phụ lục III kèm theo Quy định này. Trường hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất được tạo lập trên đất hợp pháp thì được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt; mức bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều này.”

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Xây dựng, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2025

2. Quy định chuyển tiếp.

a) Đối với các dự án, công trình đã có quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ nhưng chưa thực hiện việc chi trả bồi thường, hỗ trợ hoặc đang thực hiện việc chi trả bồi thường, hỗ trợ theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án bồi thường, hỗ trợ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với các dự án, công trình đang lập phương án bồi thường hoặc đã lập phương án nhưng chưa có quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền thì điều chỉnh thực hiện theo quy định tại Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Cục KTVB và QLXL VPHC - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Báo QB, Đài PTTH QB;
- VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Tin học và Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đoàn Ngọc Lâm

Phụ lục I

**ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI THỰC TẾ VỀ NHÀ, NHÀ Ở,
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG GẮN LIỀN VỚI ĐẤT KHI NHÀ NƯỚC
THU HỒI ĐẤT**

(Kèm theo Quyết định số 17 /2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
64	Giếng khoan $\geq 10\text{m}$ (vùng đất cát)	đồng/cái	6.374.000
65	Giếng khoan $\geq 15\text{m}$ (các vùng đất còn lại)	đồng/cái	7.365.000

Phụ lục II

**ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI MỘT SỐ CÔNG VIỆC, KẾT CẤU
XÂY DỰNG KHÁC KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT**

*(Kèm theo Quyết định số 17 /2025/QĐ-UBND ngày 20 tháng 3 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình)*

STT	TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH	Đơn vị tính	Đơn giá bồi thường (đồng)
58	Đào đất đắp tại chỗ	đồng/m ³	94.000
59	Đào ao đất cấp I, cấp II; sâu >1,5m; diện tích ao ≤100m ²	đồng/m ²	94.000
60	Đào ao đất cấp I, cấp II; sâu ≤1,5m; diện tích ao ≤100m ²	đồng/m ²	77.000
61	Đào ao đất cấp I, cấp II; sâu >1,5m; diện tích ao >100 và ≤300m ²	đồng/m ²	61.000
62	Đào ao đất cấp I, cấp II; sâu ≤1,5m; diện tích ao >100 và ≤300m ²	đồng/m ²	46.000
63	Đào ao đất cấp I, cấp II; sâu >1,5m; diện tích ao >300m ²	đồng/m ²	36.000
64	Đào ao đất cấp I, cấp II; sâu ≤1,5m; diện tích ao >300m ²	đồng/m ²	28.000
65	San ủi mặt bằng	đồng/m ³	17.000
66	Ống cống bê tông cốt thép đường kính 400mm	đồng/m	547.000
67	Ống cống bê tông cốt thép đường kính 600mm	đồng/m	766.000
68	Ống cống bê tông cốt thép đường kính 800mm	đồng/m	1.434.000
69	Ống cống bê tông cốt thép đường kính 1000mm	đồng/m	2.238.000